



## THƯ NGỎ

### Kính gửi Quý khách hàng,

Trong những năm gần đây, bệnh Ung thư đang là một vấn đề nhức nhối của cả thế giới, khi mà xã hội phát triển kéo theo rất nhiều người mắc phải nhiều loại bệnh ung thư khác nhau. Theo số liệu Tổ chức y tế thế giới, số lượng người mắc bệnh ung thư hàng năm trên toàn cầu khoảng 10 triệu người, tại Việt Nam mỗi năm cả nước có thêm khoảng 150.000 ca mắc bệnh mới và 75.000 ca tử vong do ung thư. Trong khi đó chi phí điều trị bệnh ung thư rất tốn kém, do giá dược phẩm và các trang thiết bị y tế điều trị bệnh ung thư rất cao, hàng năm chi phí điều trị cho bệnh ung lên tới 753 tỉ đô la trên toàn cầu, chi phí điều trị một ca ung thư giai đoạn nặng có thể lên đến 1,4 tỷ đồng tại Việt Nam. Điều đáng nói là Việt Nam lại là một trong những quốc gia có số tử vong do ung thư lớn nhất trên thế giới.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Y học Hạt nhân và Ung bướu, 34% bệnh nhân không đủ tiền mua thuốc điều trị sau 12 tháng phát hiện bệnh, 22% không thể thanh toán chi phí đi lại, 24% không đủ khả năng chi trả chi phí thường xuyên trong gia đình như tiền điện nước, gas... Một thông tin mới đáng lo ngại thêm cho bệnh nhân ung thư là kể từ 01.01.2015, Bộ Y tế chính thức giảm chi trả cho 28 loại thuốc điều trị bệnh ung thư từ mức 50-100% xuống còn 30-50%.

Trước thực trạng trên, ngày 02/08/2016 vừa qua, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt chính thức ra mắt sản phẩm Bảo Việt K-Care – sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Đây là giải pháp tài chính hiệu quả, hỗ trợ kịp thời và toàn diện cho người mua bảo hiểm ngay sau khi phát hiện mắc ung thư với tổng quyền lợi chi trả lên đến 1,2 tỷ đồng, giúp người bệnh an tâm điều trị ung thư sớm và triệt để, giảm được nguy cơ tử vong từ căn bệnh “tử thần”.

Là sản phẩm bảo hiểm được thiết kế dành riêng cho bệnh ung thư, Bảo Việt K-Care mang đến bốn quyền lợi chi trả bảo hiểm đa dạng và hấp dẫn cho người mua bảo hiểm bao gồm: quyền lợi bảo hiểm ung thư (giai đoạn sớm và giai đoạn trễ), quyền lợi trợ cấp nằm viện, quyền lợi tử vong do bệnh ung thư và quyền lợi tử vong do tai nạn. Đặc biệt, quyền lợi bảo hiểm ung thư sẽ được thanh toán trọn gói cho khách hàng ngay sau lần chẩn đoán đầu tiên, với số tiền tối đa lên đến 1 tỷ đồng, nhằm giúp người mua bảo hiểm có thể chủ động tài chính điều trị ung thư sớm và yên tâm lựa chọn các địa chỉ, phương pháp điều trị bệnh tiên tiến, đạt hiệu quả tốt nhất.

Thủ tục để tham gia bảo hiểm Bảo Việt K-Care được đơn giản hóa tối đa. Cụ thể, người mua bảo hiểm không cần phải thực hiện khám sức khỏe mà chỉ cần kê khai đầy đủ thông tin vào mẫu Giấy yêu cầu bảo hiểm. Ngoài ra, phí bảo hiểm cũng được xây dựng rất hợp lý và duy trì không thay đổi trong thời hạn bảo hiểm 10 năm. Đây chính là những lợi ích vượt trội hơn hẳn của Bảo Việt K-Care so với các hình thức bảo hiểm chi trả cho bệnh ung thư khác đang có trên thị trường thường có giới hạn chi trả cho các danh mục thuốc, bệnh viện điều trị và mức trách nhiệm bảo hiểm khiêm tốn trong khi chi phí mua bảo hiểm lại cao hơn.

***Để biết thêm thông tin chi tiết về sản phẩm, Quý khách hàng vui lòng liên hệ:***

**Công ty Bảo Việt Thành Phố Hồ Chí Minh**

**Điện thoại: (08) 3824 7575**

**Địa chỉ liên hệ: 23 – 25 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM**

Chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ Quý khách. Xin gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng!

## TÓM TẮT SẢN PHẨM VÀ CHÍNH SÁCH KHAI THÁC BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ KCARE

<b>Phạm vi bảo hiểm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Bảo hiểm Bệnh ung thư Giai đoạn sớm và Giai đoạn trễ.</li> <li>➤ <b>Nếu việc chẩn đoán được thực hiện trước khi Người được bảo hiểm tròn 75 tuổi và <u>Người được bảo hiểm còn sống 30 ngày sau khi chẩn đoán</u>, Bảo hiểm Bảo Việt chi trả quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư giai đoạn sớm và trễ được quy định cụ thể trong Bảng quyền lợi đính kèm.</b></li> <li>➤ Trường hợp đã chi trả Quyền lợi bệnh Ung thư GĐ Sớm, thì Quyền lợi bệnh Ung thư GĐ trễ sẽ cản trở đi Quyền lợi bệnh Ung thư GĐ Sớm đã chi trả trước đó.</li> </ul>
<b>Độ tuổi tham gia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Độ tuổi tham gia <b>mới</b> từ <b>16 tuổi đến 55 tuổi</b>. Mở rộng độ tuổi đến 75 tuổi nếu tham gia liên tục từ (55) tuổi</li> <li>➤ Tuổi được bảo hiểm là tuổi của Người được bảo hiểm vào ngày có hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm tính theo lần sinh nhật liền trước ngày Hợp đồng có hiệu lực. <b>Ví dụ:</b> Ngày sinh nhật là 01/01/2000, ngày hiệu lực hợp đồng là 01/08/2016, tại thời điểm ngày hiệu lực thì NDBH được 16 tuổi 7 tháng và là sinh nhật lần thứ 16, như vậy tuổi được tính là 16 tuổi.</li> </ul>
<b>Ung thư Giai đoạn sớm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Ung thư biểu mô tại chỗ (CIS) của một số cơ quan nhất định trong cơ thể: Ung thư biểu mô tại chỗ ở các vị trí sau đây: vú, tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng, âm hộ, âm đạo, tử cung, cổ tử cung, đại tràng, trực tràng, dương vật, tinh hoàn, phổi, gan, dạ dày hoặc vòm mũi họng hoặc bàng quang. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ung thư biểu mô tại chỗ là sự tự phát triển khu trú của các tế bào ung thư giới hạn trong các vị trí nơi nó phát sinh ra và chưa dẫn tới sự xâm lấn và/hoặc phá hủy các mô xung quanh. 'Xâm lấn' có nghĩa là sự xâm nhập và/hoặc sự chủ động phá hủy của các mô bình thường ở ngoài lớp màng đáy. Chẩn đoán Ung thư biểu mô tại chỗ phải luôn đi kèm với kết quả mô bệnh học. Hơn nữa, Ung thư biểu mô tại chỗ được chẩn đoán xác định dựa trên kết quả khảo sát bằng kính hiển vi các mô sinh thiết đã được cố định. Chẩn đoán lâm sàng không đáp ứng được tiêu chuẩn này.</li> </ul> </li> <li>➤ Ung thư Giai đoạn sớm được xác định theo hệ thống TNM bao gồm: Ung thư Tuyến tiền liệt Giai đoạn sớm (T1N0M0, loại trừ T1c), Ung thư Tuyến giáp dạng không nhú Giai đoạn sớm (T1N0M0), Ung thư Bàng quang Giai đoạn sớm (T1N0M0), Bệnh bạch cầu mạn dòng lympho Giai đoạn sớm (RAI ở Giai đoạn 1 hoặc 2, loại trừ ở Giai đoạn 0 hoặc thấp hơn), Ung thư tế bào hắc tố (Melanoma) Giai đoạn sớm</li> <li>➤ <b>Loại trừ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chẩn đoán lâm sàng hoặc các phân loại về tân sinh trong biểu mô cổ tử cung (CIN) bao gồm CIN I, CIN II và CIN III</li> <li>- Ung thư biểu mô tại chỗ của hệ thống mật</li> </ul> </li> <li>➤ <b>Thời gian chờ: 180</b> ngày kể ngày bắt đầu bảo hiểm</li> </ul>

<p><b>Ung thư Giai đoạn trễ</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ "Ung thư giai đoạn trễ" là khối u đặc ác tính hoặc bệnh lý huyết học ác tính đã được chẩn đoán bằng mô bệnh học và được đặc trưng bởi sự tăng trưởng mất kiểm soát của các tế bào ác tính có sự xâm lấn và phá hủy các mô bình thường xung quanh hoặc ở xa.</li> <li>➤ Thuật ngữ khối u đặc ác tính bao gồm U biểu mô, U mô liên kết, U nguyên bào, U tế bào mầm.</li> <li>➤ Thuật ngữ bệnh huyết học ác tính bao gồm: U lympho và bệnh bạch cầu</li> <li>➤ <b><u>Loại trừ:</u></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tất cả các khối u được đánh giá theo mô bệnh học thuộc bất kỳ trường hợp nào sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền ác tính;</li> <li>- Chưa xâm lấn ;</li> <li>- Ung thư biểu mô tại chỗ;</li> <li>- Có u giáp biên ác tính;</li> <li>- Có bất kỳ mức độ tiềm ẩn ác tính nào;</li> <li>- Có nghi ngờ u ác tính;</li> <li>- Khối u chưa chắc chắn hoặc chưa rõ; hoặc</li> <li>- Di sản cổ tử cung CIN-1, CIN-2 và CIN-3;</li> </ul> </li> <li>• Ung thư biểu mô da không phải là U tế bào hắc tố (melanoma)</li> <li>• Ung thư tế bào hắc tố (Melanoma) chưa xâm lấn ra ngoài lớp biểu bì</li> <li>• Tất cả các ung thư tuyến tiền liệt được đánh giá theo mô bệnh học là ở giai đoạn T1N0M0 (theo Hệ thống xác định giai đoạn ung thư TNM) hoặc thấp hơn</li> <li>• Tất cả các loại ung thư tuyến giáp được đánh giá theo mô bệnh học là ở giai đoạn T1N0M0 (theo Hệ thống xác định giai đoạn ung thư TNM) hoặc thấp hơn</li> <li>• Tất cả các khối u ở bàng quang đường tiết niệu được đánh giá theo mô bệnh học là ở giai đoạn T1N0M0 (theo Hệ thống xác định giai đoạn ung thư TNM) hoặc thấp hơn</li> <li>• Tất cả các u mô đệm đường tiêu hóa được đánh giá theo mô bệnh học là ở giai đoạn T1N0M0 (theo Hệ thống xác định giai đoạn ung thư TNM) hoặc thấp hơn với số lượng phân bào nhỏ hơn hoặc bằng 5/50 HPFs</li> <li>• Bệnh bạch cầu mạn dòng lympho (CLL) theo hệ thống phân loại RAI trước giai đoạn 3</li> <li>• Tất cả các khối u ở người nhiễm HIV</li> </ul> </li> <li>➤ <b><u>Thời gian chờ:</u></b> 90 ngày kể ngày bắt đầu bảo hiểm</li> </ul>
-------------------------------------	---

<b>Quyền lợi Trợ cấp nằm viện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Trong <b>vòng 180</b> ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm có chẩn đoán <b>Ung thư giai đoạn sớm</b>, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chi trả quyền lợi trợ cấp nằm viện <b>tối đa 30 ngày</b> theo giới hạn cả đời được quy định cụ thể trong Bảng quyền lợi đính kèm nếu Người được bảo hiểm phải điều trị nội trú.</li> <li>➢ Trong <b>vòng 365</b> ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm có chẩn đoán <b>Ung thư giai đoạn trễ</b>, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chi trả quyền lợi trợ cấp nằm viện <b>tối đa 60 ngày</b> theo giới hạn cả đời được quy định cụ thể trong Bảng quyền lợi đính kèm nếu Người được bảo hiểm phải điều trị nội trú.</li> <li>➢ <b>Thời gian chờ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>180</b> ngày kể ngày bắt đầu bảo hiểm đối với Ung thư giai đoạn sớm.</li> <li>• <b>90</b> ngày kể ngày bắt đầu bảo hiểm đối với Ung thư giai đoạn trễ.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Quyền lợi tử vong do bệnh ung thư</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Quyền lợi này được chi trả nếu sự kiện tử vong xảy ra trong vòng 365 ngày sau khi có chẩn đoán ung thư.</li> <li>➢ <b>Thời gian chờ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>180</b> ngày kể ngày bắt đầu bảo hiểm đối với Ung thư giai đoạn sớm.</li> <li>• <b>90</b> ngày kể ngày bắt đầu bảo hiểm đối với Ung thư giai đoạn trễ.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Quyền lợi tử vong do tai nạn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Quyền lợi này được chi trả nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn.</li> </ul>
<b>Điều khoản khôi phục hiệu lực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục Hợp đồng bảo hiểm trong vòng 730 ngày kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực và trước ngày đáo hạn của Hợp đồng. Hợp đồng bảo hiểm sẽ được khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm đáp ứng tất cả các điều kiện đặt ra (bao gồm nộp đơn đề nghị khôi phục hợp đồng bảo hiểm, kê khai đầy đủ thông tin vào Giấy yêu cầu bảo hiểm, nộp các khoản phí bảo hiểm quá hạn (nếu có) theo quy định) để Bảo hiểm Bảo Việt xem xét chấp nhận yêu cầu khôi phục. Bên mua bảo hiểm chịu mọi chi phí liên quan đến việc khôi phục Hợp đồng bảo hiểm.</li> <li>➢ Trong trường hợp Bảo Việt chấp nhận yêu cầu khôi phục, Hợp đồng bảo hiểm sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ ngày Bảo Việt thông báo việc khôi phục bằng văn bản. Tất cả những rủi ro xảy ra đối với Người được bảo hiểm trước ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp nhận khôi phục hiệu lực sẽ không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Bảo Việt. <i>Hợp đồng bảo hiểm sẽ vẫn áp dụng thời gian chờ theo quy định của đơn bảo hiểm kể từ ngày khôi phục hiệu lực bảo hiểm.</i></li> </ul>
<b>Chính sách ưu đãi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Chính sách giảm phí 10% khi đóng phí 10 năm</li> <li>➢ Mức phí không thay đổi trong suốt 10 năm bảo hiểm.</li> </ul>

### Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt ngay khi xảy ra các sự kiện dưới đây, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước:

- Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn qui định tại Quy tắc bảo hiểm này; hoặc
- Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực hơn 730 ngày liên tục; hoặc
- Vào ngày đáo hạn của Hợp đồng bảo hiểm này; hoặc
- Quyền lợi Trợ cấp nằm viện đã được chi trả đầy đủ cùng với quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư giai đoạn trễ và Người được bảo hiểm còn sống trong vòng 365 ngày kể từ ngày chẩn đoán; hoặc
- Người được bảo hiểm tử vong do bệnh ung thư hoặc tai nạn; hoặc

Các trường hợp khác được qui định bởi pháp luật hiện hành.



# SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ BaoViet Care

Đơn vị: VND

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	I	II	III
<b>QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b>			
<b>Số tiền bảo hiểm</b>	<b>292.500.000</b>	<b>585.000.000</b>	<b>1.170.000.000</b>
<b>Phạm vi lãnh thổ</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>1. Quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư</b>	<b>250.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1.1. Quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư giai đoạn sớm	<b>62.500.000</b>	<b>125.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
1.2. Quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư giai đoạn trễ	<b>250.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>2. Quyền lợi trợ cấp nằm viện</b>			
2.1. Ung thư giai đoạn sớm (trong vòng 180 ngày kể từ ngày có chẩn đoán ung thư giai đoạn sớm)	<b>500.000/ngày, tối đa 30 ngày/cả đời</b>	<b>1.000.000/ngày, tối đa 30 ngày/cả đời</b>	<b>2.000.000/ngày, tối đa 30 ngày/cả đời</b>
2.2. Ung thư giai đoạn trễ (trong vòng 365 ngày kể từ ngày có chẩn đoán ung thư giai đoạn trễ)	<b>500.000/ngày, tối đa 60 ngày/cả đời</b>	<b>1.000.000/ngày, tối đa 60 ngày/cả đời</b>	<b>2.000.000/ngày, tối đa 60 ngày/cả đời</b>
<b>3. Quyền lợi tử vong do bệnh ung thư</b>	<b>12.500.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
<b>4. Quyền lợi tử vong do tai nạn</b>	<b>12.500.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>50.000.000</b>

## BIỂU PHÍ BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ

*Đơn vị: VND/người/năm*

	CHƯƠNG TRÌNH I		CHƯƠNG TRÌNH II		CHƯƠNG TRÌNH III	
	NAM	NỮ	NAM	NỮ	NAM	NỮ
16	134,550	134,550	269,100	269,100	538,200	538,200
17	143,325	149,175	286,650	298,350	573,300	596,700
18	160,875	172,575	321,750	345,150	643,500	690,300
19	181,350	204,750	362,700	409,500	725,400	819,000
20	207,675	234,000	415,350	468,000	830,700	936,000
21	234,000	266,175	468,000	532,350	936,000	1,064,700
22	257,400	304,200	514,800	608,400	1,029,600	1,216,800
23	292,500	342,225	585,000	684,450	1,170,000	1,368,900
24	327,600	386,100	655,200	772,200	1,310,400	1,544,400
25	365,625	432,900	731,250	865,800	1,462,500	1,731,600
26	403,650	473,850	807,300	947,700	1,614,600	1,895,400
27	450,450	520,650	900,900	1,041,300	1,801,800	2,082,600
28	500,175	567,450	1,000,350	1,134,900	2,000,700	2,269,800
29	555,750	620,100	1,111,500	1,240,200	2,223,000	2,480,400
30	614,250	675,675	1,228,500	1,351,350	2,457,000	2,702,700
31	687,375	734,175	1,374,750	1,468,350	2,749,500	2,936,700
32	763,425	798,525	1,526,850	1,597,050	3,053,700	3,194,100
33	848,250	868,725	1,696,500	1,737,450	3,393,000	3,474,900



34	944,775	941,850	1,889,550	1,883,700	3,779,100	3,767,400
35	1,053,000	1,020,825	2,106,000	2,041,650	4,212,000	4,083,300
36	1,170,000	1,105,650	2,340,000	2,211,300	4,680,000	4,422,600
37	1,298,700	1,196,325	2,597,400	2,392,650	5,194,800	4,785,300
38	1,444,950	1,298,700	2,889,900	2,597,400	5,779,800	5,194,800
39	1,614,600	1,404,000	3,229,200	2,808,000	6,458,400	5,616,000
40	1,790,100	1,515,150	3,580,200	3,030,300	7,160,400	6,060,600
41	1,977,300	1,632,150	3,954,600	3,264,300	7,909,200	6,528,600
42	2,176,200	1,752,075	4,352,400	3,504,150	8,704,800	7,008,300
43	2,386,800	1,874,925	4,773,600	3,749,850	9,547,200	7,499,700
44	2,609,100	1,997,775	5,218,200	3,995,550	10,436,400	7,991,100
45	2,825,550	2,120,625	5,651,100	4,241,250	11,302,200	8,482,500
46	3,036,150	2,231,775	6,072,300	4,463,550	12,144,600	8,927,100
47	3,240,900	2,334,150	6,481,800	4,668,300	12,963,600	9,336,600
48	3,451,500	2,433,600	6,903,000	4,867,200	13,806,000	9,734,400
49	3,656,250	2,533,050	7,312,500	5,066,100	14,625,000	10,132,200
50	3,852,225	2,617,875	7,704,450	5,235,750	15,408,900	10,471,500
51	4,042,350	2,696,850	8,084,700	5,393,700	16,169,400	10,787,400
52	4,220,775	2,761,200	8,441,550	5,522,400	16,883,100	11,044,800
53	4,384,575	2,819,700	8,769,150	5,639,400	17,538,300	11,278,800
54	4,542,525	2,863,575	9,085,050	5,727,150	18,170,100	11,454,300
55	4,700,475	2,901,600	9,400,950	5,803,200	18,801,900	11,606,400

56*	4,861,350	2,930,850	9,722,700	5,861,700	19,445,400	11,723,400
57*	5,013,450	2,957,175	10,026,900	5,914,350	20,053,800	11,828,700
58*	5,156,775	2,968,875	10,313,550	5,937,750	20,627,100	11,875,500
59*	5,303,025	2,980,575	10,606,050	5,961,150	21,212,100	11,922,300
60*	5,446,350	2,986,425	10,892,700	5,972,850	21,785,400	11,945,700
61*	5,586,750	2,989,350	11,173,500	5,978,700	22,347,000	11,957,400
62*	5,721,300	2,995,200	11,442,600	5,990,400	22,885,200	11,980,800
63*	5,855,850	2,998,125	11,711,700	5,996,250	23,423,400	11,992,500
64*	5,975,775	3,003,975	11,951,550	6,007,950	23,903,100	12,015,900
65*	6,077,711	3,006,900	12,155,423	6,013,800	24,310,845	12,027,600

***(\*) Độ tuổi tái tục bảo hiểm (không nhận trường hợp tham gia lần đầu)***